

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

Số: **4562** /LĐTBXH-PCTNXH

V/v báo cáo công tác phòng, chống
mại dâm năm 2021 của Ủy ban Quốc gia

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày **08** tháng **12** năm 2021

Kính gửi:

- Các Bộ, ngành, đoàn thể thành viên Ủy ban Quốc gia phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thực hiện Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Phòng, chống mại dâm giai đoạn 2021 - 2025, để có cơ sở báo cáo Chính phủ và Ủy ban Quốc gia phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm về kết quả công tác phòng, chống mại dâm năm 2021 và đề xuất nhiệm vụ trọng tâm năm 2022, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cơ quan Thường trực phòng, chống mại dâm) đề nghị:

1. Các bộ, ngành, đoàn thể thành viên Ủy ban Quốc gia phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo tình hình, kết quả công tác phòng, chống mại dâm năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2022 theo chức năng, nhiệm vụ được giao (*đề cương báo cáo và biểu mẫu thống kê kèm theo*).

2. Báo cáo kết quả đề nghị gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội, số 3, ngõ 7, Tôn Thất Thuyết, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội; Điện thoại: 0243.9342033; Fax: 0243.8267099; Email: phongchinhhsach05@gmail.com) **trước ngày 20/12/2021** để tổng hợp.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Thủ tướng, Chủ tịch UBQG Vũ Đức Đam (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để ph/h);
- Sở LĐ-TB&XH các địa phương (để th/hiện);
- Lưu: VT, PCTNXH (PCMD).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Hồi

Phụ lục 1

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
CỦA CÁC BỘ NGÀNH, ĐOÀN THỂ THÀNH VIÊN ỦY BAN QUỐC GIA**

**Kết quả công tác phối hợp liên ngành phòng, chống mại dâm
năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ công tác trọng tâm năm 2022**
(Kèm theo Công văn số: **4562** /LĐTĐXH-PCTNXH ngày **08** tháng **12** năm 2021
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

1. Kết quả thực hiện công tác phòng, chống mại dâm năm 2021

1.1. Đánh giá tình hình tệ nạn mại dâm có liên quan trong phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị.

1.2. Kết quả thực hiện các mặt công tác (căn cứ vào chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình đề báo cáo chi tiết kết quả và đánh giá các chỉ số):

- Công tác chỉ đạo, triển khai, xây dựng văn bản, chính sách pháp luật;
- Công tác truyền thông, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về phòng, chống mại dâm;
- Các hoạt động phòng ngừa tệ nạn mại dâm;
- Công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện, xử lý các vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm; điều tra, truy tố, xét xử các đường dây, ổ, nhóm tội phạm liên quan đến hoạt động mại dâm;
- Công tác phối hợp xây dựng, triển khai các hoạt động can thiệp giảm tác hại, phòng ngừa lây nhiễm các bệnh xã hội và HIV/AIDS, phòng ngừa, giảm tình trạng bạo lực trên cơ sở giới trong phòng, chống mại dâm.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tồn tại, hạn chế;
- Nguyên nhân (khách quan, chủ quan).

3. Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2022**4. Kiến nghị, đề xuất**

- Các kiến nghị đề xuất với các bộ, ngành khác; Chính phủ; Quốc hội....
- Kiến nghị đề xuất với Cơ quan Thường trực về phòng, chống mại dâm (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội); Ủy ban Quốc gia Phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm;

Ghi chú: Mốc thời gian báo cáo tính từ 15/12/2020 đến 15/12/2021

Phụ lục 2**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CỦA UBND CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ
TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG****Kết quả thực hiện công tác phòng, chống mại dâm năm 2021
và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2022**

(Kèm theo Công văn số: 4562/LĐTBXH-PCTNXH ngày 08 tháng 12 năm 2021
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

**1. Kết quả thực hiện công tác phòng, chống mại dâm năm 2021 (Biểu
số liệu Phụ lục 3 kèm theo)****1.1. Đánh giá tình hình tệ nạn mại dâm tại địa phương:**

- Số lượng người bán dâm hoạt động trên địa bàn (số người bán dâm ước tính, số đã được các cơ quan chức năng thống kê...);

- Tình hình vi phạm hành chính, tội phạm liên quan đến mại dâm (tụ điểm, địa bàn phức tạp về an ninh, trật tự liên quan đến hoạt động mại dâm; cơ sở kinh doanh dịch vụ vi phạm các quy định về phòng, chống mại dâm; các phương thức, thủ đoạn tổ chức hoạt động mại dâm trên địa bàn...);

1.2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm

a) Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của địa phương; chỉ đạo, điều hành; bố trí nguồn lực thực hiện nhiệm vụ phòng, chống mại dâm trên địa bàn;

b) Công tác truyền thông, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về phòng, chống mại dâm: xây dựng kế hoạch, tăng cường tuyên truyền phòng ngừa, xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, thiết kế công cụ, tài liệu truyền thông, đổi mới hình thức, nội dung công tác truyền thông, tập trung vào các đối tượng theo mục tiêu,...

c) Các hoạt động phòng ngừa tệ nạn mại dâm: xây dựng kế hoạch, phương án điều tra, khảo sát, đánh giá nhu cầu, xây dựng các hoạt động lồng ghép hỗ trợ phòng ngừa;

d) Công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện, xử lý các vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm; điều tra, truy tố, xét xử các đường dây, ổ, nhóm tội phạm liên quan đến hoạt động mại dâm;

đ) Xây dựng, triển khai các hoạt động can thiệp giảm tác hại, phòng ngừa lây nhiễm các bệnh xã hội và HIV/AIDS, phòng ngừa, giảm tình trạng bạo lực trên cơ sở giới trong phòng, chống mại dâm:

- Việc chỉ đạo triển khai xây dựng, nhân rộng các mô hình thí điểm có hiệu quả (chính sách, dịch vụ, quy trình thực hiện dịch vụ hỗ trợ, nguồn lực đầu tư mở rộng, nâng cấp các cơ sở, mạng lưới cơ sở cung cấp dịch vụ hỗ trợ giảm hại, hòa nhập cộng đồng cho người bán dâm,...);

tư mở rộng, nâng cấp các cơ sở, mạng lưới cơ sở cung cấp dịch vụ hỗ trợ giảm hại, hòa nhập cộng đồng cho người bán dâm,...);

- Kết quả triển khai cụ thể: số lượng theo từng loại mô hình; số lượng thành viên ban chủ nhiệm các câu lạc bộ, nhóm đồng đẳng...; số đối tượng được tiếp cận thông qua các câu lạc bộ, nhóm đồng đẳng; số người được tiếp cận, hỗ trợ, giúp đỡ thông qua các mô hình thí điểm....

- Khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai các mô hình thí điểm (cơ chế, chính sách pháp luật, kinh phí, nguồn lực...).

e) Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, cộng tác viên,... thực hiện nhiệm vụ phòng, chống mại dâm ở cơ sở.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tồn tại, hạn chế (làm rõ những vấn đề mới phát sinh về cơ chế, chính sách, pháp luật; về cán bộ; nguồn lực tài chính; cơ chế phối hợp...);

- Nguyên nhân (khách quan, chủ quan).

3. Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2022

4. Kiến nghị, đề xuất

- Các kiến nghị đề xuất với các bộ, ngành khác; Chính phủ; Quốc hội....

- Kiến nghị đề xuất với Cơ quan Thường trực về phòng, chống mại dâm (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội); Ủy ban Quốc gia Phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm;

Ghi chú: Mốc thời gian báo cáo tính từ 15/12/2020 đến 15/12/2021

Phụ lục 3

BIỂU TỔNG HỢP THỐNG KÊ SỐ LIỆU
Công tác phòng, chống mại dâm
(Kỳ báo cáo: năm 2021)

Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
1. THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH		
1.1. Tình hình hoạt động của các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ phát sinh tệ nạn mại dâm trên địa bàn		
- Tổng số cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ phát sinh tệ nạn mại dâm hiện có trên địa bàn	Cơ sở	
<u>Trong đó:</u>		
+ Cơ sở lưu trú (nhà nghỉ, khách sạn, nhà trọ, nhà cho thuê,...)	Cơ sở	
+ Nhà hàng karaoke & cơ sở massage	Cơ sở	
+ Vũ trường	Cơ sở	
+ Quán bar	Cơ sở	
+ Loại hình khác (quán bia, nhà hàng ăn uống, quán cà phê, cắt tóc gội đầu thư giãn, spa...)	Cơ sở	
- Số cơ sở đã ký cam kết không để xảy ra tệ nạn mại dâm tại cơ sở	Cơ sở	
- Số người lao động làm việc trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ phát sinh TNMD	Người	
<u>Trong đó:</u>		
+ Số người lao động có hợp đồng lao động	Người	
+ Số người lao động là nữ giới	Người	
+ Số người lao động là người ngoại tỉnh	Người	
+ Số người lao động nữ dưới 18 tuổi	Người	
1.2. Tình hình các ổ nhóm, tụ điểm, địa bàn có dấu hiệu hoạt động mại dâm nơi công cộng		
- Số tụ điểm, địa bàn phức tạp về tệ nạn mại dâm	Tụ điểm	
1.3. Số người bán dâm trên địa bàn		
- Tổng số người bán dâm ước tính hiện nay	Người	
- Tổng số người bán dâm được các cơ quan chức năng thống kê (qua xử phạt hành chính; hỗ trợ xã hội; y tế, phòng, chống HIV/AIDS...)	Người	
<u>Trong đó:</u>		
+ Số là người dưới 18 tuổi	Người	
+ Số là người ngoại tỉnh	Người	

2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCMD		
2.1. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và chỉ đạo, điều hành		
- Số lượng văn bản QPPL ban hành theo thẩm quyền	Văn bản	
- Số lượng văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ về PCMD trong phạm vi quản lý (<i>Công văn chỉ đạo, Chương trình, Kế hoạch....</i>)	Văn bản	
2.2. Công tác truyền thông nâng cao nhận thức về phòng, chống mại dâm		
- Số cuộc truyền thông về phòng chống mại dâm tại cơ sở xã, phường, thị trấn	Cuộc	
- Số người tham gia các buổi truyền thông về phòng chống mại dâm tại cơ sở xã, phường, thị trấn	Người	
- Số panô, áp phích, tờ rơi...được thực hiện về phòng chống mại dâm tại cơ sở xã, phường, thị trấn	Panô, áp phích, tờ rơi	
- Số người lao động tại các cơ sở KDDV dễ phát sinh tệ nạn mại dâm được tuyên truyền về phòng, chống mại dâm	Người	
- Số người lao động trong các khu công nghiệp được tuyên truyền về phòng, chống mại dâm	Người	
- Số học sinh, sinh viên các trường PTTH, CSGD ĐH và CSGDNN được tuyên truyền về phòng, chống mại dâm	Người	
2.3. Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật của Đội kiểm tra liên ngành 178		
- Tổng số đội kiểm tra liên ngành 178	Đội	
+ Cấp tỉnh	Đội	
+ Cấp huyện	Đội	
+ Cấp xã	Đội	
- Số lượng thành viên tham gia Đội kiểm tra liên ngành 178	Người	
+ Cấp tỉnh	Người	
+ Cấp huyện	Người	
+ Cấp xã	Người	
- Tổng số cơ sở kiểm tra trong kỳ	Cơ sở	
- Tổng số cơ sở chịu các hình thức xử lý vi phạm pháp luật về PCMD	Cơ sở	
<u>Trong đó:</u>		
+ Số cơ sở bị rút giấy phép kinh doanh	Cơ sở	
+ Số cơ sở bị đình chỉ kinh doanh	Cơ sở	
+ Số cơ sở bị cảnh cáo, nhắc nhở	Cơ sở	
+ Số cơ sở bị phạt tiền	Cơ sở	
* Số tiền phạt	Triệu đồng	
+ Số cơ sở bị áp dụng các hình thức xử lý khác	Cơ sở	

2.4. Công tác điều tra, truy quét, triệt phá ổ nhóm tổ chức hoạt động mại dâm		
- Số cuộc truy quét tại địa điểm công cộng	Cuộc	
- Số cuộc triệt phá tại các cơ sở KDDV	Cuộc	
- Tổng số người vi phạm	Người	
<u>Trong đó:</u>		
+ Số người mua dâm	Người	
+ Số người bán dâm	Người	
+ Số người bán dâm dưới 18 tuổi	Người	
+ Số chủ chứa, môi giới	Người	
- Số người bị xử lý vi phạm hành chính	Người	
<u>Trong đó:</u>		
+ Số người bán dâm dưới 18 tuổi	Người	
- Số người bị xử lý hình sự	Người	
2.5. Công tác truy tố, xét xử		
- Số vụ việc liên quan đến mại dâm được Viện Kiểm sát nhân dân khởi tố		
+ Số vụ	Vụ	
+ Số bị can	Người	
- Số vụ việc liên quan đến mại dâm được Viện Kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử		
+ Số vụ	Vụ	
+ Số bị cáo	Người	
- Số vụ án liên quan đến mại dâm được Tòa án các cấp thụ lý, xét xử		
+ Số vụ	Vụ	
+ Số bị cáo	Người	
2.6. Công tác can thiệp giảm tác hại về HIV, phòng ngừa bạo lực trên cơ sở giới và hỗ trợ hòa nhập cộng đồng cho người bán dâm		
- Xây dựng các mô hình về phòng, chống mại dâm:		
+ Số mô hình về phòng ngừa tệ nạn mại dâm được xây dựng	Số lượng	
+ Số mô hình hỗ trợ hòa nhập cộng đồng người bán dâm được xây dựng	Số lượng	
<u>Trong đó:</u>		
(1) MH cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho người bán dâm tại cộng đồng, TTCTXH	Số lượng	
(2) MH hỗ trợ nhằm bảo đảm quyền của người lao động trong các cơ sở KDDV để phát sinh TNMD	Số lượng	

(3) MH hỗ trợ tăng cường năng lực của các nhóm đồng đẳng/nhóm tự lực/câu lạc bộ của người bán dâm trong việc tiếp cận, truyền thông và hỗ trợ giảm hại, phòng, chống bạo lực giới	Số lượng	
4) MH khác:	Số lượng	
+ Số lượng câu lạc bộ, nhóm đồng đẳng, nhóm tự lực của người bán dâm trên địa bàn	Số lượng	
+ Số lượng thành viên nòng cốt (Ban chủ nhiệm, tiếp cận viên) các câu lạc bộ, nhóm đồng đẳng, nhóm tự lực của người bán dâm	Người	
- Số người bán dâm được hỗ trợ giảm hại, hòa nhập cộng đồng	Lượt người	
<u>Trong đó:</u>		
+ Số người được hỗ trợ giáo dục		
+ Số người được hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm	Lượt người	
+ Số người được hỗ trợ vay vốn	Lượt người	
+ Số tiền được hỗ trợ vay vốn	Triệu đồng	
+ Số người được tư vấn, trợ giúp pháp lý	Lượt người	
+ Số người được hỗ trợ về y tế, chăm sóc sức khỏe	Lượt người	
+ Số được cung cấp các dịch vụ về phòng, chống lây nhiễm HIV	Lượt người	
+ Số người được tiếp cận và hỗ trợ thông qua các mô hình	Lượt Người	
3. NGUỒN LỰC		
3.1. Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực		
- Số người tham gia công tác phòng, chống mại dâm được đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực	Người	
Trong đó:		
+ Cấp tỉnh	Người	
+ Cấp huyện, cấp xã và cơ quan, tổ chức có liên quan	Người	
- Số cuộc tập huấn nâng cao năng lực được tổ chức	Cuộc	
3.2. Kinh phí cho công tác phòng, chống mại dâm		
- Tổng số kinh phí chi cho công tác PCMD năm 2021	Triệu đồng	
Trong đó:		
+ Kinh phí bố trí từ ngân sách Trung ương	Triệu đồng	
+ Kinh phí bố trí từ ngân sách địa phương	Triệu đồng	
+ Từ nguồn khác (tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước)	Triệu đồng	